



chē shēn

车身

noun · car body

## Example Sentences

Zhè liàng chē de chē shēn shì hóng sè de  
这辆车的车身是红色的。

The body of this car is red.

Chē shēn bèi guā le yī dào hén jì  
车身被刮了一道痕迹。

The car body got a scratch.

Zhè kuǎn chē de chē shēn shè jì fēi cháng liú xiàn xíng  
这款车的车身设计非常流线型。

The body design of this car model is very streamlined.

Trace each character, then write the word on your own.

车 车 车 车 车 车 车

身 身 身 身 身 身 身 身 身 身